

SỰ THAM GIA CỦA NGƯỜI LÀM CHỨNG TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

NGUYỄN THỊ NÝ*

“ Các quy định về người làm chứng nói chung và sự tham gia của người làm chứng trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về cơ bản đã đáp ứng yêu cầu bảo vệ quyền con người và đấu tranh phòng, chống tội phạm ở nước ta trong tình hình mới. Tuy nhiên, cần bổ sung thêm một số quy định về quyền của người làm chứng và cơ chế bảo vệ người làm chứng khi họ tham gia các hoạt động tố tụng hình sự theo quy định. ”

Từ khóa: Người làm chứng; tố tụng hình sự.

Nhận bài: 05/3/2021; biên tập xong: 23/3/2021; duyệt bài: 08/4/2021.

Trong lịch sử pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và trên thế giới, chế định người làm chứng là một trong những chế định lâu đời bởi bất kể trong giai đoạn lịch sử nào có tội phạm đều có thể xuất hiện tư cách tố tụng người làm chứng. Ở Việt Nam, Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2003 đã đề cập đến những đặc điểm của người làm chứng nhưng chưa cụ thể hóa khái niệm người làm chứng. Đến BLTTHS năm 2015, khái niệm người làm chứng mới được ghi nhận một cách khái quát. Theo khoản 1 Điều 66 BLTTHS năm 2015 thì: “Người làm chứng là người biết được những tình tiết liên quan đến nguồn tin về tội phạm, về vụ án và được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng triệu tập đến

làm chứng”. Như vậy, trước hết, người làm chứng là người tham gia tố tụng theo quy định của BLTTHS năm 2015. Pháp luật quy định cho họ có nghĩa vụ phải tham gia vào quá trình giải quyết vụ án hình sự, thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách cá nhân. Khi tham gia tố tụng, người làm chứng không có quyền lợi cá nhân mà chỉ là người có nghĩa vụ do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng triệu tập để góp phần giải quyết vụ án hình sự. Theo đó, dưới góc độ pháp luật thực định, người làm chứng là người tham gia tố tụng bởi họ biết được người biết được những tình tiết liên

* Viện kiểm sát quân sự khu vực 33, Quân khu 3.

quan đến nguồn tin về tội phạm, về vụ án và được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng triệu tập đến làm chứng.

1. Các hoạt động tố tụng người làm chứng tham gia theo quy định Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

Trong tố tụng hình sự, người làm chứng là người biết các tình tiết có liên quan đến vụ án, nhưng không phải là người có quyền và lợi ích liên quan đến vụ án nên lời khai của người làm chứng thường phản ánh trung thực, khách quan, có ý nghĩa trong việc xác định sự thật của vụ án. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định người làm chứng có nghĩa vụ tham gia một số hoạt động tố tụng trong giai đoạn giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử. Quá trình người làm chứng tham gia các hoạt động tố tụng hình sự, người có thẩm quyền tiến hành điều tra phải tuân thủ trình tự, thủ tục tố tụng do luật định, đảm bảo các quyền của người làm chứng theo quy định tại khoản 3 Điều 66 BLTTHS năm 2015. Xuất phát từ việc trình bày trung thực những tình tiết mà mình biết liên quan đến nguồn tin về tội phạm, về vụ án là nghĩa vụ của người làm chứng nên quá trình tham gia các hoạt động tố tụng, người làm chứng đều được người có thẩm quyền tố tụng giải thích về trường hợp họ khai báo gian dối hoặc từ chối khai báo, trốn tránh việc khai báo mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Theo BLTTHS năm 2015, các hoạt động tố tụng người làm chứng tham gia như sau:

Một là, tham gia hoạt động khám nghiệm hiện trường.

Trong nhiều trường hợp, sự tham gia của người làm chứng trong hoạt động khám

nghiệm hiện trường là một nguồn cung cấp các thông tin giúp Điều tra viên (ĐTV) đánh giá tình trạng hiện trường còn nguyên vẹn hay đã bị thay đổi, những nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi, các hoạt động tạo nên các dấu vết ở hiện trường, phạm vi hiện trường... Khi khám nghiệm hiện trường, ĐTV cho người làm chứng tham gia trong trường hợp họ đã trực tiếp có mặt tại hiện trường, đủ điều kiện quan sát các hành vi của người có liên quan và sự vật, sự việc... tại thời điểm tội phạm xảy ra. Chính vì vậy mà sự tham gia của người làm chứng giúp cho người trực tiếp tiến hành khám nghiệm chủ động nắm tình hình về hiện trường, đánh giá tình trạng hiện trường, hình dung được rõ ràng hơn về hiện trường để từ đó có nhận định đúng đắn, phương pháp khám nghiệm phù hợp, đảm bảo thu thập được tất cả các dấu vết liên quan.

Quá trình người làm chứng tham gia khám nghiệm hiện trường, cần phân biệt rõ với sự tham gia của người chứng kiến. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã có quy định bổ sung người chứng kiến là người tham gia tố tụng và khi khám nghiệm hiện trường bắt buộc phải có người chứng kiến. Người chứng kiến được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng yêu cầu chứng kiến việc tiến hành khám nghiệm hiện trường. Từ đó cho thấy, vai trò của người chứng kiến và người làm chứng khi tham gia khám nghiệm hiện trường là khác nhau. Trong khi người chứng kiến tham gia khám nghiệm hiện trường có trách nhiệm xác nhận nội dung và kết quả công việc mà ĐTV đã làm thì người làm chứng tham gia và có nghĩa vụ trình bày những gì họ biết.

Hai là, hoạt động lấy lời khai người làm chứng.

Lấy lời khai của người làm chứng là một

trong những hoạt động thu thập chứng cứ phổ biến của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Người làm chứng trình bày những gì mà họ biết về nguồn tin về tội phạm, về vụ án, nhân thân của người bị buộc tội, bị hại, quan hệ giữa họ với người bị buộc tội, bị hại, người làm chứng khác... Điều đó cho thấy, lời khai của người làm chứng có thể cung cấp nhiều thông tin khác nhau như các tình tiết của sự kiện pháp lý, nhân thân của người bị buộc tội, nhân thân bị hại... Người tiến hành tố tụng phải có sự kiểm tra, đánh giá các thông tin đó để xác định thông tin nào có thể là chứng cứ của vụ án hình sự, bởi lẽ chỉ những thông tin từ lời khai của người làm chứng đảm bảo các thuộc tính của chứng cứ bao gồm tính khách quan, tính liên quan, tính hợp pháp thì mới trở thành chứng cứ của vụ án hình sự; không được dùng làm chứng cứ những tình tiết do người làm chứng trình bày nếu họ không thể nói rõ vì sao biết được tình tiết đó. Việc xác định lý do biết được tình tiết liên quan của người làm chứng chính là xác định nguồn gốc lời khai của người làm chứng, từ đó có biện pháp kiểm tra, đánh giá chứng cứ một cách hợp lý.

Việc lấy lời khai của người làm chứng được tiến hành tại nơi tiến hành điều tra, nơi cư trú, nơi làm việc hoặc nơi học tập của người đó. Nếu vụ án có nhiều người làm chứng thì phải lấy lời khai riêng từng người và không để cho họ tiếp xúc, trao đổi với nhau trong thời gian lấy lời khai. Trước khi lấy lời khai, ĐTV phải giải thích cho người làm chứng biết quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định và ghi vào biên bản. Trước khi hỏi về nội dung vụ án, ĐTV phải hỏi về mối quan hệ giữa người làm chứng với bị can, bị hại và những tình tiết khác về nhân

thân của người làm chứng; yêu cầu người làm chứng trình bày trung thực, tự nguyện những gì họ biết về vụ án. Trường hợp xét thấy việc lấy lời khai của ĐTV không khách quan hoặc có vi phạm pháp luật hoặc xét thấy cần làm rõ chứng cứ, tài liệu để quyết định việc phê chuẩn hoặc không phê chuẩn quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra hoặc để quyết định việc truy tố thì Kiểm sát viên có thể lấy lời khai người làm chứng. Việc lấy lời khai người làm chứng phải được lập biên bản theo quy định, có thể ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh. Ngoài cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng lấy lời khai người làm chứng để thu thập chứng cứ, người bào chữa cũng có thể gặp người làm chứng để hỏi, nghe họ trình bày về những vấn đề liên quan đến vụ án.

Ba là, tham gia hoạt động đối chất.

Căn cứ khoản 2 Điều 189 BLTTHS năm 2015, đối chất có thể được tiến hành giữa người làm chứng với những người có tư cách là người tham gia tố tụng trong vụ án hình sự khác mà trước đó họ có đã lời khai theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Như vậy, việc đối chất có sự tham gia của người làm chứng có thể được tiến hành giữa người làm chứng với bị can, người làm chứng với bị hại hoặc giữa những người làm chứng với nhau.

Trước khi đối chất, ĐTV phải giải thích cho người làm chứng biết trách nhiệm về việc từ chối, trốn tránh khai báo hoặc cố tình khai báo gian dối. Việc này phải ghi vào biên bản. Bởi vì người làm chứng có thể có tâm lý ngại khai báo, hoặc chịu sức ép do có mối quan hệ với người liên quan đến vụ án hoặc sự đe dọa từ phía những người thực hiện tội phạm, sợ bị liên lụy mà trốn tránh khai báo nên trong quá trình tham gia đối

chất đưa ra những thông tin sai sự thật hoặc chung chung, không rõ ràng.

Khi tham gia đối chất, người làm chứng được hỏi về mối quan hệ giữa người làm chứng với những người tham gia đối chất, về những tình tiết cần làm sáng tỏ bao gồm những tình tiết mà họ biết được về nguồn tin tội phạm, về vụ án hình sự. Sau khi nghe đối chất, ĐTV có thể hỏi thêm người làm chứng về những tình tiết đó. Trong quá trình đối chất, người làm chứng và những người tham gia đối chất có thể hỏi lẫn nhau; câu hỏi và trả lời đều được ghi vào biên bản.

Bốn là, tham gia hoạt động nhận dạng.

Khi cần thiết, người làm chứng sẽ được người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đưa người, ảnh hoặc vật để người làm chứng quan sát, từ đó xác định có hay không có người, vật mà họ đã nhìn thấy trước đó. Người làm chứng tham gia nhận dạng sẽ trải qua quá trình hỏi tường, tái hiện, nhớ lại, nhận lại đối tượng mà họ đã tri giác, ghi nhớ trước đây khi đối tượng đó xuất hiện và nhận ra được đối tượng này. Hoạt động nhận dạng của người làm chứng là sự truy nguyên về người hoặc vật, góp phần vào việc xác định tính chất vụ án, tìm ra người thực hiện tội phạm, bị hại, vật chứng của vụ án hoặc tung tích nạn nhân.

Trước khi tiến hành nhận dạng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải giải thích cho người làm chứng biết trách nhiệm về việc từ chối, trốn tránh khai báo hoặc cố ý khai báo gian dối. Người làm chứng được hỏi về những tình tiết, vết tích và đặc điểm mà nhờ đó họ có thể nhận dạng được. Sau khi người làm chứng đã xác nhận một người, một vật hay một ảnh trong số được đưa ra để nhận dạng thì phải giải thích là họ đã căn cứ vào các vết tích hoặc đặc điểm gì mà xác nhận được người, vật hay ảnh đó.

Năm là, tham gia hoạt động nhận biết giọng nói.

Trong trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng có thể cho người làm chứng nhận biết giọng nói. Khi tham gia hoạt động nhận biết giọng nói, người làm chứng sẽ trải qua quá trình hỏi tường, tái hiện, nhớ lại giọng nói mà họ đã nghe thấy và khẳng định có phải là giọng nói mà khi nhận dạng họ được nghe lại hay không. Cũng giống như nhận dạng, kết quả hoạt động nhận biết giọng nói có sự tham gia của người làm chứng có vai trò quan trọng trong truy nguyên đối tượng thực hiện tội phạm hoặc bị hại, góp phần giải quyết vụ án khách quan.

Trước khi tiến hành nhận biết giọng nói, ĐTV phải giải thích cho họ biết trách nhiệm về việc từ chối, trốn tránh khai báo hoặc cố ý khai báo gian dối. Người làm chứng được hỏi trước về những đặc điểm mà nhờ đó họ có thể nhận biết được giọng nói. Sau khi người làm chứng đã xác nhận được giọng nói trong số giọng nói được đưa ra thì phải giải thích là họ đã căn cứ vào đặc điểm gì mà xác nhận giọng nói đó.

Sáu là, tham gia phiên tòa xét xử.

Người làm chứng tham gia phiên tòa để làm sáng tỏ những tình tiết của vụ án. Căn cứ vào nguyên tắc xét xử trực tiếp và bằng lời nói, Tòa án phải xét xử khi có mặt người làm chứng và khi đã được triệu tập, người làm chứng phải có mặt tại phiên tòa, dù trước đó họ đã khai ở Cơ quan điều tra. Sự có mặt của người làm chứng bảo đảm cho việc xác minh trực tiếp, công khai chứng cứ. Trong thực tế, nhiều trường hợp Tòa án cần hỏi thêm người làm chứng về những tình tiết của vụ án; bị cáo, bị hại, người bào chữa,... cũng có thể phản đối lời khai của người làm chứng, nên người làm chứng

phải có mặt tại phiên tòa để giải thích thêm về những lời khai của mình.

Trường hợp người làm chứng vắng mặt thì tùy trường hợp mà Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử hay hoãn phiên tòa. Nếu người làm chứng về các vấn đề không quan trọng (như lời khai của họ chỉ là chứng cứ gián tiếp trong khi đã có các chứng cứ trực tiếp khác về tình tiết được làm chứng, họ chỉ biết về các vấn đề không liên quan đến tình tiết định tội, định khung...) vắng mặt và trước đó họ đã có lời khai thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử và trong giai đoạn xét hỏi, Chủ tọa phiên tòa công bố những lời khai đó. Nếu người làm chứng về các vấn đề quan trọng vắng mặt liên quan đến việc bị cáo có tội hay không có tội, tội gì, khung hình phạt ra sao nhưng sự vắng mặt đó không trở ngại cho việc xét xử vì họ đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, ổn định trước đó hoặc về tình tiết làm chứng đã có những người làm chứng khác biết được và những người đó có mặt tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành phiên tòa, lời khai của người làm chứng vắng mặt được chủ tọa phiên tòa công bố trong quá trình xét hỏi. Nếu người làm chứng về các vấn đề quan trọng vắng mặt và sự vắng mặt đó trở ngại cho việc xét xử, ảnh hưởng đến việc xác định sự thật khách quan của vụ án (như họ là người làm chứng duy nhất, trong giai đoạn điều tra lời khai của họ thiếu nhất quán, lời khai của họ mâu thuẫn với lời khai của người tham gia tố tụng khác về cùng tình tiết của vụ án...) thì Hội đồng xét xử tùy theo trường hợp cụ thể mà quyết định dẫn giải người làm chứng hoặc hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa, việc hỏi phải được tiến hành riêng đối với từng người làm chứng và

không để cho những người làm chứng khác biết được nội dung xét hỏi đó. Khi hỏi người làm chứng, Hội đồng xét xử phải hỏi rõ về quan hệ giữa họ với bị cáo và các đương sự trong vụ án. Chủ tọa phiên tòa yêu cầu người làm chứng trình bày rõ những tình tiết của vụ án mà họ đã biết, sau đó hỏi thêm về những điểm mà họ khai chưa đầy đủ hoặc có mâu thuẫn. Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự có thể hỏi thêm người làm chứng. Khi được chủ tọa phiên tòa đồng ý, bị cáo có thể hỏi người làm chứng về các vấn đề có liên quan đến bị cáo. Trường hợp cần thiết, Tòa án có thể hỏi người làm chứng qua mạng máy tính, mạng viễn thông.

2. Một số đề xuất, kiến nghị

Từ những phân tích về hoạt động tố tụng hình sự có sự tham gia của người làm chứng như trên, tác giả đề xuất, kiến nghị như sau:

Thứ nhất, cần có cơ chế bảo vệ người làm chứng trong quá trình tham gia đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói.

Trong quá trình tham gia tố tụng, BLTTHS năm 2015 quy định người làm chứng có quyền yêu cầu cơ quan triệu tập bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản và quyền, lợi ích hợp pháp khác của họ và người thân thích của họ khi bị đe dọa. Một số nội dung về bảo vệ người làm chứng cũng được quy định khi người làm chứng tham gia các hoạt động tố tụng cụ thể như lấy lời khai, tham gia phiên tòa xét xử (lấy lời khai riêng; hỏi người làm chứng qua mạng máy tính, mạng viễn thông...). Tuy nhiên, với các hoạt động tố tụng như đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói thì việc bảo vệ người làm chứng khi tham gia các hoạt động này còn hạn

ché. Trên cơ sở bảo vệ người làm chứng tránh khỏi tâm lý lo sợ bị can biết việc mình làm chứng dẫn đến bị trả thù, tác giả đề xuất có thể không đề người làm chứng đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói trực tiếp đối với bị can mà có thể đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói qua âm thanh, hình ảnh truyền qua mạng máy tính, mạng viễn thông nếu người làm chứng có yêu cầu. Với sự phát triển của công nghệ thông tin hiện nay và sự hỗ trợ của các phương tiện kỹ thuật nghe, nhìn hiện đại, hoàn toàn cho phép thực hiện các hoạt động tố tụng mà trong đó hạn chế sự tiếp xúc trực tiếp giữa người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác mà vẫn đảm bảo khách quan, toàn diện, đáp ứng yêu cầu giải quyết vụ án. Mặt khác, các hoạt động đối chất, nhận biết giọng nói thực hiện ngay cả khi người làm chứng và bị can không quan sát được trực tiếp khuôn mặt của nhau nên có thể áp dụng các biện pháp để bị can không nhận biết được ai là người làm chứng đang đối chất với mình, đang nhận biết giọng nói của mình.

Thứ hai, cần quy định người làm chứng có quyền được đối đáp, tham gia tranh luận tại phiên tòa xét xử.

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 quy định, khi tranh luận, người tham gia tố tụng khác có quyền trình bày ý kiến, đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận của mình để đối đáp với Kiểm sát viên. Theo quy định này, có thể hiểu người làm chứng cũng có quyền tham gia tranh luận. Tuy nhiên, tại phần xét hỏi có quy định: “Sau khi đã trình bày xong, người làm chứng ở lại phòng xử án để có thể được hỏi thêm” dẫn đến cách hiểu sau khi xét hỏi, người làm chứng không tham gia hoạt động gì khác tại phiên tòa nên người làm chứng

không có quyền đối đáp với Kiểm sát viên. Để bảo đảm nguyên tắc bình đẳng trong tố tụng hình sự, tác giả cho rằng cần có quy định cụ thể về quyền của người làm chứng được đưa ra ý kiến đối đáp với Kiểm sát viên về những nội dung họ biết được liên quan đến vụ án. Ngoài ra, cần quy định người làm chứng có quyền tranh luận với bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong phạm vi về những nội dung họ làm chứng. Quy định này cần thiết khi nghĩa vụ làm chứng là nghĩa vụ công dân theo luật định và khi tham gia tố tụng hình sự không bị chi phối bởi quyền lợi cá nhân, nhưng lại phải đối mặt với những nguy cơ có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu cố tình khai báo gian dối theo quy định tại Điều 383 BLHS năm 2015. Vì vậy, nếu tại phiên tòa, lời khai của người làm chứng có mâu thuẫn với lời khai của bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác thì người làm chứng có quyền được tranh luận với họ sẽ góp phần làm sáng tỏ lời khai, tình tiết vụ án.

Thứ ba, cần có quy định về chế độ đãi ngộ cho người làm chứng khi tham gia các hoạt động tố tụng

Như đã phân tích ở trên, tư cách tố tụng của người làm chứng được xác định ngay từ giai đoạn giải quyết nguồn tin về tội phạm nên quyền được cơ quan triệu tập thanh toán chi phí đi lại và những chi phí khác của người làm chứng khi tham gia các hoạt động tố tụng trong giai đoạn tố tụng đầu tiên này cần được ghi nhận, bảo đảm trong các văn bản hướng dẫn. Theo quy định hiện hành, việc thanh toán mới chỉ áp dụng cho những người làm chứng tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự, do đó, cần bổ sung quy định đảm bảo quyền được cơ quan triệu tập thanh toán chi phí đi

lại và những chi phí khác cho người làm chứng khi tham gia giải quyết nguồn tin về tội phạm.

Bên cạnh đó, người làm chứng khi tham gia các hoạt động tố tụng hình sự được thanh toán chi phí đi lại và những chi phí khác chỉ khi có yêu cầu và chuyển hồ sơ đề nghị thanh toán tới cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng để làm thủ tục thanh toán. Quy định như vậy chưa thực sự đảm bảo được quyền cho người làm chứng vì thanh toán các chi phí cho người làm chứng thực chất là việc cơ quan có thẩm quyền tiến

hành tố tụng bù đắp những thiệt thòi, mất mát hoặc ngăn chặn những mất mát, tổn thất có thể xảy ra đối với người làm chứng khi họ thực hiện nghĩa vụ công dân, hợp tác với Nhà nước trong giải quyết vụ án hình sự. Sự bù đắp đó cần được thực hiện đối với người làm chứng ngay cả khi phía người làm chứng không có yêu cầu. Thế nên, cần thiết phải sửa đổi quy định về thanh toán chi phí cho người làm chứng theo hướng cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải thanh toán chi phí cho người làm chứng khi họ tham gia các hoạt động tố tụng. □

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN ...

(Tiếp theo trang 26)

ma túy lớn. Các hoạt động điều tra quan trọng trong vụ án như: Mở niêm phong cân trọng lượng, lấy mẫu giám định, hỏi cung, nhận dạng, đối chất, khám phương tiện, tài sản liên quan... đều được KSV tham gia kiểm sát và nắm sát tiến độ điều tra; kịp thời nghiên cứu để phát hiện những mâu thuẫn, những nội dung cần làm rõ để đề ra các yêu cầu điều tra giúp Điều tra viên làm rõ được hành vi phạm tội, khắc phục được những thiếu sót về chứng cứ và thủ tục tố tụng...

Ngoài ra, qua công tác kiểm sát điều tra từng vụ án cụ thể, VKSND tỉnh Quảng Bình đã tổng hợp các thông tin tội phạm để phục vụ hiệu quả việc phối hợp với CQĐT trong đấu tranh với các đường dây buôn bán ma túy. Bởi các chuyên án, vụ án ma túy lớn thường là kết quả theo dõi, tổng hợp, xâu chuỗi hành vi của các đối tượng cầm đầu trong các vụ án khác nhau trong thời gian khá dài hoặc có thể chỉ bắt đầu từ một vụ án đối

tượng bị bắt quả tang.

Năm là, trong công tác tương trợ tư pháp về hình sự: Nhằm tăng cường mối quan hệ phối hợp, VKSND tỉnh Quảng Bình và VKSND tỉnh Khăm Muộn - Lào đã ký kết Biên bản ghi nhớ quan hệ hợp tác, trong đó nhấn mạnh công tác ủy thác tư pháp; phối hợp chặt chẽ trong việc cung cấp thông tin phòng, chống tội phạm và giải quyết các vụ việc liên quan xảy ra ở khu vực biên giới. Để tiến độ giải quyết vụ án không bị ảnh hưởng, VKSND tỉnh Quảng Bình yêu cầu CQĐT khẩn trương thu thập và cung cấp tối đa thông tin về các yêu cầu cần tương trợ (lý do nước bạn chậm đáp ứng yêu cầu tương trợ tư pháp là do thông tin từ bên yêu cầu còn sơ sài nên không thể thực hiện được). Đối với những trường hợp phía nước bạn không trả lời yêu cầu tương trợ thì việc xác minh lý lịch bị can có thể dựa trên những căn cứ sau: Lời khai của bị can, bị cáo; lời khai của những người liên quan biết đến bị can, bị cáo; các giấy tờ tùy thân khi bị bắt giữ, khám xét như hộ chiếu, visa... hoặc thông qua Biên bản ghi nhớ quan hệ hợp tác giữa hai tỉnh có chung đường biên giới. □